



zhèng mén

正门

noun · main entrance, front door

Example Sentences

Qǐng cóng zhèng mén jìn rù
请从正门进入。

Please enter through the main entrance.

xué xiào de zhèng mén cháo nán kāi zhe
学校的正门朝南开着。

The school's main entrance faces south.

tā men jué dìng zài zhèng mén qián zhǒng yì pái huā
他们决定在正门前种一排花。

They decided to plant a row of flowers in front of the main entrance.

Trace each character, then write the word on your own.

正	正	正	正	正	正	正	正								

门	门	门	门	门	门										
